

BÁO CÁO

tổng kết thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025

Để phục vụ xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy khóa I, nhiệm kỳ 2025 -2030 về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 20/5/2022 về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 07-NQ/TU), như sau:

PHẦN I: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 07-NQ/TU NGÀY 20/5/2022 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY KHÓA XX VỀ TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. Công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến và cụ thể hóa Nghị quyết số 07-NQ/TU

1. Về tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 07-NQ/TU

Ngay sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU, Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy đã ban hành Hướng dẫn số 53-HD/BTGTU ngày 27/6/2022 về tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết; chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường thông tin, tuyên truyền nội dung Nghị quyết. Trên cơ sở đó, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các lực lượng vũ trang đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến nội dung của Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp; đồng thời xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU bảo đảm đồng bộ, sát với tình hình thực tế của từng địa phương, đơn vị.

Công tác tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 07-NQ/TU được các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh.

2. Về cụ thể hóa, thể chế hóa triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU

—

Đề cụ thể hóa Nghị quyết số 07-NQ/TU, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 12/10/2021 thông qua Đề án đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo động lực cho phát triển, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 28/7/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU và nhiều quyết định, kế hoạch, chương trình liên quan đến các đề án, chính sách về phát triển kinh tế biển¹; thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam theo Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 04/11/2020; sau sáp nhập tỉnh và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, Ban Chỉ đạo được kiện toàn tại Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 để chỉ đạo, điều phối các nhiệm vụ liên ngành liên quan đến phát triển kinh tế biển.

Các ngành, đơn vị và địa phương đã chủ động rà soát, bổ sung, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch liên quan đến biển, đảo; tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên biển, góp phần nâng cao nhận thức và tạo chuyển biến tích cực trong triển khai thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu đến năm 2025

1.1. Về kinh tế biển: Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn các địa phương có biển đóng góp 90,9% tổng giá trị sản phẩm của toàn tỉnh².

1.2. Về xã hội: Công tác giảm nghèo tại khu vực ven biển được triển khai đồng bộ, gắn với phát triển kinh tế biển và xây dựng nông thôn mới, góp phần cải

¹ - Các Quyết định của UBND tỉnh: Số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 Quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của UBND tỉnh Quảng Ngãi cho tổ chức, cá nhân đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2022 - 2026); số 1125/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; số 1715/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 về việc phê duyệt Đề án đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo động lực cho phát triển, giai đoạn 2021 - 2025; số 957/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 Quy hoạch chung xây dựng khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh.

- Các Kế hoạch của UBND tỉnh: Số 72/KH-UBND ngày 28/4/2022 về việc triển khai thực hiện Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 27/KH-UBND ngày 17/02/2022 của UBND tỉnh thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế Toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 194/KH-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023-2030 của tỉnh Quảng Ngãi.

² Giá trị của các huyện, thị xã, thành phố có biển trước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và của tỉnh Quảng Ngãi cũ.

thiện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo³.

1.3. Về phát triển đặc khu Lý Sơn: Giai đoạn 2021 - 2025, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân của đặc khu Lý Sơn đạt 5,23%/năm, chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (7-8%/năm); tuy nhiên, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó thương mại - dịch vụ chiếm 42,74%, nông nghiệp chiếm 43,92%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 13,34%. Kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư đồng bộ, một số công trình trọng điểm như Trung tâm Y tế quân dân y Lý Sơn, cảng Bến Đình đã hoàn thành và đưa vào khai thác, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.4. Về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

Công tác bảo vệ môi trường biển được tăng cường, đến nay có 02/03 khu công nghiệp ven biển đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường⁴. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt 81%, chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương ven biển đạt 90%, đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Công tác quản lý, bảo tồn hệ sinh thái biển tại Khu bảo tồn biển Lý Sơn và các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản được triển khai gắn với tuyên truyền, nghiên cứu khoa học và phát triển du lịch sinh thái. Tỷ lệ che phủ rừng tại các xã, phường, đặc khu ven biển đạt 26,94%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết (trên 25%).

2. Kết quả thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển và ven biển

a) Về du lịch và dịch vụ biển

Tỉnh xác định phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021 - 2025, trong đó du lịch biển, đảo giữ vai trò chủ đạo. Đặc khu Lý Sơn từng bước được đầu tư, phát triển theo định hướng đảo du lịch sinh thái, trở thành hạt nhân thúc đẩy phát triển du lịch của tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án phát triển đặc khu Lý Sơn thành trung tâm du lịch biển đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 22/5/2026.

- Về công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản phục vụ phát triển du lịch: Hiện toàn tỉnh có trên 434 di tích, danh lam thắng cảnh được xếp hạng và kiểm kê, trong đó nhiều di tích ven biển có giá trị nổi bật về văn hóa, lịch sử và du lịch⁵. Công tác bảo tồn các lễ hội truyền thống, loại hình nghệ thuật dân gian,

³ Một số địa phương đạt và tiệm cận chỉ tiêu Nghị quyết đề ra về giảm nghèo bình quân từ 1%-1,5%/năm như: Lý Sơn (1,26%), Mộ Đức (1,01%). Các địa phương còn lại chưa đạt mức giảm theo yêu cầu nhưng đã có chuyển biến tích cực

⁴ KCN Tịnh Phong; Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi. Phân khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất chưa đạt chỉ tiêu theo Nghị quyết.

phong tục tập quán tốt đẹp của cư dân vùng biển, đảo được chú trọng, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa biển. Tổ chức Lễ công bố và đón nhận Bằng xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh; đang triển khai quy hoạch bảo tồn, phát huy giá trị di tích hướng đến xây dựng hồ sơ trình UNESCO công nhận Di sản văn hóa thế giới. Đồng thời, nghề làm gốm xã Phô Khánh và nghề làm muối Sa Huỳnh đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, góp phần quảng bá hình ảnh và phát triển du lịch Quảng Ngãi.

- *Về phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch biển, đảo phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh:* Chú trọng khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa và các giá trị văn hóa truyền thống để phát triển du lịch biển, đảo. Các sản phẩm du lịch gắn với sự kiện thể thao từng bước tạo dấu ấn, thu hút đông đảo vận động viên và du khách, góp phần quảng bá thương hiệu du lịch Quảng Ngãi⁶. Mô hình du lịch cộng đồng tại đặc khu Lý Sơn tiếp tục được phát huy và nhân rộng tại nhiều địa phương ven biển như khu vực Văn hóa Sa Huỳnh - Đầm An Khê, rừng ngập mặn Bàu Cá Cái, rừng dừa nước Cà Ninh, Tịnh Khê..., theo định hướng du lịch xanh, bền vững, gắn với cải thiện sinh kế cho người dân. Đồng thời, quan tâm phát triển các sản phẩm du lịch, sản phẩm truyền thống vùng biển, đảo và đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến du lịch thông qua các sự kiện, ấn phẩm và phương tiện truyền thông.

b) Về kinh tế hàng hải

Công tác quy hoạch, đầu tư và khai thác cảng biển gắn với phát triển dịch vụ logistics được triển khai theo đúng quy hoạch⁷; hạ tầng cảng biển, luồng hàng hải, khu neo đậu tránh trú bão tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu khai thác và bảo đảm an toàn hàng hải. Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Dung Quất tăng mạnh, bình quân trên 40 triệu tấn/năm, chủ yếu là thép, sản phẩm lọc hóa dầu và thiết bị công nghiệp nặng. Công tác xúc tiến đầu tư hạ tầng logistics được quan tâm, hiện dự án Cầu cảng, kho chứa và tái hóa khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) đang được triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định.

c) Về nuôi trồng và khai thác thủy sản

- *Đối với khai thác thủy sản:* Sản lượng khai thác thủy sản năm 2025 ước đạt 282.850 tấn, tăng 6,9% so với năm 2021; trong đó khai thác biển đạt 280.450 tấn. Ngư dân đã chủ động nâng cấp tàu cá, đầu tư trang thiết bị hiện đại, chuyển đổi

⁵ Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh, Di tích quốc gia về danh lam thắng cảnh tại đặc khu Lý Sơn như: Cồng Tò Vò, Âm Linh Tự; Chùa Hang.

⁶ Một số sự kiện du lịch như: Tuần Lễ du lịch Quảng Ngãi năm 2025, Giải bơi vượt biển Đảo Lớn - Đảo Bé, giải Dù lượn, Giải marathon, Giải bóng chuyền nữ bãi biển tỉnh Quảng Ngãi...

⁷ Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 311/QĐ-BXD ngày 25/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

—

ngành khai thác theo hướng thân thiện với môi trường và áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong khai thác, bảo quản sản phẩm, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác và giảm áp lực lên nguồn lợi thủy sản ven bờ. Cơ cấu tàu cá tiếp tục chuyển dịch đúng định hướng, giảm dần tàu khai thác ven bờ; đến năm 2025 toàn tỉnh có 4.890 tàu cá với tổng công suất 1.811.957 CV, trong đó tàu có chiều dài từ 15m trở lên giảm 8,24% so với năm 2021.

- Đối với nuôi trồng thủy sản: Tiếp tục phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất. Diện tích nuôi thủy sản nước lợ giảm nhưng năng suất, sản lượng tăng và vượt kế hoạch nhờ chuyển đổi cơ cấu, đa dạng đối tượng nuôi và áp dụng kỹ thuật mới. Nuôi lồng bè trên biển, nhất là tại đặc khu Lý Sơn, có bước phát triển tích cực, góp phần cải thiện sinh kế cho người dân; đến năm 2025, tổng thể tích lồng nuôi đạt khoảng 156.800 m³, sản lượng đạt 317 tấn, với 55 cơ sở được cấp phép nuôi biển theo quy định. Tỉnh cũng triển khai nhiều mô hình, dự án ứng dụng khoa học kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản và tổ chức thả giống tái tạo nguồn lợi thủy sản, góp phần nâng cao năng suất, bảo vệ môi trường và phục hồi nguồn lợi thủy sản.

- Về năng lực đóng mới và sửa chữa tàu thuyền: Toàn tỉnh hiện có 09 cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ thép, composite và gỗ theo quy định, đáp ứng nhu cầu của ngư dân trong và ngoài tỉnh, góp phần nâng cao năng lực khai thác thủy sản và khẳng định vị thế nghề đóng tàu của tỉnh trong khu vực miền Trung.

- Về công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU): Tỉnh đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) theo khuyến nghị của EC. Công tác tuyên truyền được thực hiện sâu rộng đến ngư dân; tình trạng tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài cơ bản được kiểm soát, ngăn chặn. Công tác quản lý, giám sát tàu cá, kiểm tra tại cảng, giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ, truy xuất nguồn gốc và cấp xác nhận, chứng nhận thủy sản được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định.

đ) Về công nghiệp ven biển

Công nghiệp ven biển tiếp tục là động lực tăng trưởng kinh tế chủ yếu của tỉnh, trong đó các ngành lọc hóa dầu, luyện kim, sản xuất kim loại và công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò dẫn dắt. Các ngành thực phẩm, đồ uống, dệt may, da giày, chế biến nông - lâm sản từng bước phát huy lợi thế về nguyên liệu, lao động và hạ tầng khu công nghiệp, góp phần mở rộng thị trường và nâng cao giá trị xuất khẩu.

Tỉnh tập trung triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường trong và ngoài nước; đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường Campuchia, Lào, Trung Quốc và hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với biến động chính sách thuế quan quốc tế. Giai đoạn 2022 - 2025, Khu kinh tế Dung Quất

thu hút 32 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký khoảng 27.326 tỷ đồng (khoảng 1,112 tỷ USD), trong đó có nhiều dự án quy mô lớn như Dự án Sản xuất ray đường sắt và thép đặc biệt Hòa Phát Dung Quất, góp phần tăng cường liên kết chuỗi sản xuất công nghiệp trong khu vực.

Công tác thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghiệp sinh thái và chuỗi cung ứng LNG được quan tâm triển khai. Đồng thời, tỉnh tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, xúc tiến thương mại, kết nối với doanh nghiệp nước ngoài và mở rộng thị trường Halal. Ngành đóng mới, sửa chữa tàu biển tại Khu kinh tế Dung Quất từng bước phục hồi; Nhà máy đóng tàu Dung Quất hoạt động ổn định, doanh thu năm 2025 ước đạt 1.403 tỷ đồng, tăng 28,25% so với năm 2024, góp phần duy trì việc làm và phát triển công nghiệp cơ khí, đóng tàu của tỉnh.

e) Về năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển khác

Tỉnh đang triển khai các dự án điện khí sử dụng nguồn khí Cá Voi Xanh như Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I và Dung Quất III; tuy nhiên tiến độ còn phụ thuộc vào thời điểm cung cấp khí từ mỏ Cá Voi Xanh theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh. Đối với năng lượng tái tạo, tỉnh đã đề xuất bổ sung vào Quy hoạch điện VIII các dự án điện gió, điện mặt trời và nhiệt điện khí dư với tổng công suất gần 500MW, cùng các dự án lưới điện phục vụ phát triển công nghiệp và bảo đảm an ninh năng lượng trên địa bàn tỉnh.

2.2. Phát triển đồng bộ Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị ven biển, từng bước hình thành các khu đô thị sinh thái ven biển

Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất với quy mô 45.332 ha đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 168/QĐ-TTg ngày 28/02/2023. Đến nay, tỉnh đã phê duyệt 9⁸/11 quy hoạch phân khu chức năng, tạo cơ sở quan trọng để thu hút đầu tư và phát triển Khu kinh tế Dung Quất theo hướng “*Chuyên biệt, xanh, thông minh và bền vững*”.

a) Về huy động nguồn lực xây dựng, phát triển Trung tâm logistics và khu công nghiệp: Đến cuối năm 2025, Khu kinh tế Dung Quất đã thu hút 27 dự án logistics với tổng vốn đăng ký 8.842 tỷ đồng; đồng thời, giai đoạn 2022 - 2025 thu hút thêm 02 dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp với tổng vốn đăng ký khoảng 5.035 tỷ đồng (tương đương 217 triệu USD), góp phần từng bước hoàn thiện hạ tầng và nâng cao năng lực thu hút đầu tư của Khu kinh tế Dung Quất.

⁸ (1) Khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ Bình Thạnh; (2) Khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Tịnh Phong, (3) Khu đô thị, dịch vụ Đông Nam Dung Quất; (4) Đô thị Lý Sơn; (5) Khu công nghiệp Bình Hòa - Bình Phước; (6) Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Dung Quất II; (7) Khu đô thị, công nghiệp, dịch vụ Tây Bắc Dung Quất; (8) Khu dịch vụ hỗn hợp Đông Dung Quất; (9) Điều chỉnh Khu công nghiệp phía Đông Dung Quất.

b) Về phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp ven biển: Hệ thống hạ tầng giao thông trong Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp ven biển tiếp tục được đầu tư, nhiều công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, góp phần thuận lợi cho lưu thông hàng hóa và kết nối vùng⁹. Tỉnh đã đề xuất bổ sung dự án tuyến nhánh đường sắt quốc gia Trì Bình - Dung Quất vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nhằm tăng cường kết nối Khu kinh tế Dung Quất với hệ thống cảng biển và mạng lưới vận tải liên vùng.

c) Về hình thành Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất: Tỉnh đang tích cực phối hợp với Bộ Công Thương trong việc xây dựng và hoàn thành Đề án Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu Kinh tế Dung Quất theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị; đồng thời nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển trung tâm này, báo cáo Bộ Công Thương tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Về hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn: Tỉnh quan tâm, hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án¹⁰ có quy mô lớn, có tính lan tỏa nhằm sớm đưa vào hoạt động, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

⁹ (1) Đường Trì Bình – cảng Dung Quất (giai đoạn 1); (2) Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2); (3) Hệ thống xử lý nước thải KCN Tịnh Phong (giai đoạn 1); (4) Dự án 02 Hạng mục phát sinh của Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ TĐC phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng NMLD Dung Quất (đợt 1); (5) Dự án Làn đường giảm tốc tại nút giao thông Quốc lộ 1A KCN Tịnh Phong; (6) Dự án Đường nối Quốc lộ 1A đến đường Hoàng Sa – Dốc Sỏi (giai đoạn 1); (7) Sửa chữa Cầu Trà Bồng; (8) Đường số 6 KCN Tịnh Phong; (9) Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng tuyến 1A - Thượng Hoà - tuyến đường Trì Bình - Dung Quất; (10) Nghĩa trang nhân dân Phụng Hoàng,...

¹⁰ **Cụ thể: (1) Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất:** Đã hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và bàn giao cho nhà đầu tư phần diện tích 108,2ha. Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đã phê duyệt điều chỉnh Dự án và phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu gói thầu Tư vấn thiết kế kỹ thuật tổng thể điều chỉnh (FEED); Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy lọc dầu Dung Quất - Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất (dự án điều chỉnh) và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết.

(2) Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất: Được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Công văn 152/TTg-CN ngày 25/01/2017; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư với diện tích 342,62 ha, công suất thiết kế là 06 triệu tấn/năm, tổng vốn đầu tư 86.000 tỷ đồng và được phân thành 02 giai đoạn. Nhà đầu tư đang thực hiện các thủ tục pháp lý để đưa công trình vào hoạt động, khai thác vận hành; Hạng mục cảng chuyên dùng gồm 12 cầu cảng, tiếp nhận tàu có tải trọng tới 200.000 DWT đã được công bố và đưa vào hoạt động.

(3) Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2: Dự án được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư với diện tích 276,33 ha, công suất thiết kế 5,6 triệu tấn/năm, tổng vốn đầu tư 85.000 tỷ đồng. Dự án được triển khai từ Quý I/2022, năm 2025 đã vận hành chạy thử trước 01 dây chuyền với công suất 2,3 triệu tấn/năm trong đó diện tích đất đã được cơ quan có thẩm quyền cho thuê khoảng 247,27ha/276,33 ha (đạt tỷ lệ 89,5%); tính đến nay đã có khoảng 60.437 tỷ đồng/88.400 tỷ đồng trên tổng vốn đầu tư đăng ký.

(4) Các dự án điện khí: (i) Dự án Nhà máy điện TBKHH Dung Quất I và Dự án Nhà máy điện TBKHH Dung Quất III, có công suất 750MW/mỗi nhà máy (do Tập đoàn Điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định chủ trương đầu tư số 1460/QĐ-TTg và số 1461/QĐ-TTg ngày 25/10/2019); Hiện nay đã lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi nhưng chưa thể trình cấp thẩm quyền phê duyệt để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo vì chưa xác định được thời điểm cấp khí từ mỏ Cá Voi Xanh. (ii) Dự án Nhà máy điện

đ) Về phát triển hạ tầng giao thông và đô thị ven biển: Dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn IIa, IIb có ý nghĩa quan trọng trong hoàn thiện hạ tầng giao thông, kết nối vùng, thúc đẩy phát triển đô thị, du lịch, kinh tế biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Công tác quy hoạch, phát triển đô thị ven biển tiếp tục được đẩy mạnh; trong đó, 02 dự án Khu đô thị mới Đông Nam Dung Quất - phía Bắc và Khu đô thị mới Đông Nam Dung Quất - phía Nam đã được phê duyệt quy hoạch phân khu 1/2000 và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng vốn đăng ký khoảng 54.617 tỷ đồng (2,18 tỷ USD), hiện đang tổ chức lựa chọn nhà đầu tư để hình thành chuỗi đô thị biển hiện đại, đồng bộ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.3. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và ứng phó với thiên tai

a) Về tăng cường kiểm soát, giám sát và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển: Công tác thẩm định đánh giá tác động môi trường, cấp phép môi trường và kiểm soát nguồn gây ô nhiễm được tăng cường; các sở, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ trong quản lý môi trường, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ sạch, hiện đại và kiểm soát nghiêm các dự án có nguy cơ ô nhiễm cao. Công tác quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện thường xuyên, mạng lưới quan trắc tiếp tục được mở rộng; hiện có 29 doanh nghiệp với 56 trạm quan trắc nước thải, khí thải tự động kết nối truyền dữ liệu phục vụ theo dõi, giám sát theo quy định. Đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra, quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, vùng nuôi trồng thủy sản; hoàn thành điều chỉnh mạng lưới quan trắc môi trường và ban hành các chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường, góp phần chủ động phòng ngừa, ngăn chặn sự cố và nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường biển, ven biển.

b) Về quản lý rác thải nhựa đại dương, giao khu vực biển và bảo vệ bờ biển: Triển khai đồng bộ Kế hoạch hành động quản lý rác thải nhựa đại dương giai đoạn 2021 - 2025, tăng cường tuyên truyền, thu gom, tái chế và giảm thiểu rác thải nhựa, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường biển. Công tác giao khu vực biển, cấp phép nhận chìm ở biển được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định; giai đoạn 2021 - 2025 đã giao hơn 1.082 ha khu vực biển cho các tổ chức, doanh nghiệp phục vụ phát triển kinh tế biển và cấp 05 giấy phép nhận chìm ở biển. Hoạt động nhận chìm được kiểm tra, giám sát thường xuyên, chưa phát

TBKHH hỗn hợp Dung Quất II, do Sembcorp Utilities Pte Ltd (Singapore) làm chủ đầu tư theo hình thức BOT với công suất 750MW, vốn đầu tư khoảng 793 triệu USD, sử dụng nhiên liệu khí từ mỏ khí Cá Voi Xanh. Nhà đầu tư đã lập, trình báo cáo nghiên cứu khả thi và đã được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 4345/QĐ-BCT ngày 20/11/2018. Hiện nay, Nhà đầu tư đang phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện các bước tiếp theo đối với dự án, trong đó có việc ký hợp đồng dự án BOT theo quy định.

sinh vấn đề ảnh hưởng môi trường. Công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển tiếp tục được triển khai theo quy định; điều chỉnh danh mục, ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tại đặc khu Lý Sơn phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

c) Về công tác Bảo tồn đa dạng sinh học, Ứng phó với Biến đổi khí hậu, nước biển dâng

Công tác bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại Khu bảo tồn biển Lý Sơn và các khu bảo vệ thủy sản được quan tâm triển khai; thực hiện điều chỉnh ranh giới Khu bảo tồn biển Lý Sơn, xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học và hoàn thành điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản ven bờ phục vụ khai thác bền vững. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học được duy trì thường xuyên. Đồng thời, tập trung triển khai các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng như nâng cấp đê biển, đê sông, kiểm soát xâm nhập mặn, thực hiện các dự án thích ứng biến đổi khí hậu và hoàn thành cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.4. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; bảo tồn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hoá biển; xây dựng xã hội gắn bó, thân thiện với biển; phát triển khoa học, công nghệ; nâng cao chất lượng nhân lực vùng biển, đảo

Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và lễ hội truyền thống¹¹ của cư dân vùng biển, đảo được quan tâm triển khai, góp phần quảng bá hình ảnh, văn hóa và con người Quảng Ngãi như Lễ hội đua thuyền tứ linh, Lễ hội Cúng cá Ông, Lễ hội ra quân đánh bắt hải sản..., nổi bật là Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa tại Lý Sơn. Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao tiếp tục được đầu tư, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của Nhân dân và nâng cao nhận thức về chủ quyền biển, đảo.

Ngành y tế từng bước nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho người dân vùng ven biển, hải đảo; 100% xã, phường có biển có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia và có bác sĩ công tác, đặc biệt Trung tâm Y tế Quân - Dân y Lý Sơn đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Công tác giáo dục, tuyên truyền kiến thức biển, đảo, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu được lồng ghép trong chương trình giáo dục địa phương¹² và triển khai hiệu quả tại các cơ sở giáo dục.

¹¹ Như: Quy hoạch bảo tồn và phát huy di tích quốc gia đặc biệt về di tích Văn hóa Sa Huỳnh; Kế hoạch phát triển du lịch ven biển, du lịch đảo lý sơn kết hợp du lịch di sản, di tích lịch sử quốc gia gắn với chủ quyền biển đảo; Triển khai thực hiện Đề án Bảo tồn và phát huy nghệ thuật bài chòi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030.

¹² Một số chủ đề về kinh tế biển được lồng ghép vào chương trình giảng dạy gồm: Nghề làm muối ở Sa Huỳnh (lớp 2); Em yêu biển, đảo quê hương (lớp 3); Sa Huỳnh (lớp 4); Danh lam thắng cảnh biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi (lớp 6);

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và phát triển nguồn nhân lực được đẩy mạnh theo hướng gắn với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động; nhiều hoạt động hướng nghiệp, kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ việc làm được tổ chức thường xuyên. Chương trình giảm nghèo bền vững tại các xã bãi ngang ven biển và hải đảo tiếp tục được triển khai gắn với hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm, góp phần cải thiện đời sống Nhân dân; tuy nhiên, nguy cơ tái nghèo còn cao do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, thiên tai, biến đổi khí hậu và sinh kế của một bộ phận người dân còn thiếu bền vững.

2.5. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế

a) Công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đề án, nghị quyết, kế hoạch¹³ nhằm tập trung xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, củng cố và nâng cao các tiềm lực trong phòng thủ, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và nền biên phòng toàn dân vững mạnh¹⁴. Công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, an ninh biên giới biển được triển khai hiệu quả; duy trì tốt cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh¹⁵. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm an ninh chủ động, kịp thời, toàn diện; tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, dự báo tình hình từ sớm, từ xa để đề ra giải pháp chiến lược, hiệu quả¹⁶. Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các sự kiện chính trị quan trọng, các hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, kỳ họp Quốc hội. Công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh mạng được tăng cường, chú trọng kiểm tra, chấn chỉnh.

Chủ động nắm tình hình nội bộ, an ninh kinh tế tại các dự án, công trình trọng điểm ở Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp; giải quyết hiệu quả nhiều

Tiềm năng kinh tế biển, đảo ở tỉnh Quảng Ngãi (lớp 7); Hệ sinh thái dưới nước ở tỉnh Quảng Ngãi (lớp 7); Sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (khoáng sản, sinh vật, nước) ở tỉnh Quảng Ngãi (lớp 10); Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tỉnh Quảng Ngãi (lớp 11).

¹³ Nghị quyết, kế hoạch về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an tỉnh Quảng Ngãi thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; Nghị quyết xây dựng Công an phường điển hình, kiểu mẫu về an ninh trật tự và văn minh đô thị giai đoạn 2023 - 2030.

¹⁴ Xây dựng, huấn luyện và bảo đảm hoạt động của Hải đội Dân quân thường trực. Huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển Việt Nam; phối hợp với Quân khu V tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự năm 2022 theo kịch bản diễn tập thực binh. Thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an ninh trật tự tại khu vực biển, đảo như ngăn chặn tàu cá và ngư dân Quảng Ngãi xâm phạm các vùng biển các nước để khai thác trái phép thủy sản; điều tra, xác minh làm rõ các trường hợp tàu cá, ngư dân bị nước ngoài bắt giữ, phá hủy tài sản.

¹⁵ Duy trì và thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Công an, Quân sự theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ trong bảo vệ an ninh Quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ quốc phòng trên khu vực biên giới biển, đảo; phối hợp với Hải Quân Vùng 3, Vùng Cảnh sát biển 2, Hải đoàn 48 trong bảo vệ chủ quyền vùng biển, phối hợp với Biên phòng 2 tỉnh giáp ranh Quảng Nam, Bình Định bảo vệ khu vực giáp ranh.

¹⁶ Chương trình hành động, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045...

vụ việc liên quan an ninh kinh tế; tham gia thẩm định 18 đồ án, dự án trọng điểm về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự khu vực biển, đảo được tăng cường; quản lý chặt chẽ tuyến vận tải Sa Kỳ - Lý Sơn; ngăn chặn tình trạng tàu cá, ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài khai thác hải sản trái phép. Bảo đảm an toàn tuyệt đối các công trình trọng điểm liên quan an ninh quốc gia như Nhà máy lọc dầu Dung Quất, hệ thống truyền tải điện 500kV; ban hành nhiều đề án, kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự đối với các dự án trọng điểm của Trung ương trên địa bàn tỉnh¹⁷.

Tổ chức phát động, ký kết giao ước thi đua; lựa chọn xây dựng 30 xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Công tác tuyên truyền, biểu dương điển hình tiên tiến được đẩy mạnh, tạo sức lan tỏa sâu rộng thông qua các mô hình tiêu biểu như “Vì quê hương Đức Phổ bình yên”, “Tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo”. Xây dựng mới 03 mô hình tại khu vực ven biển, đảo¹⁸; nhân rộng 02 mô hình¹⁹; duy trì hiệu quả 117 mô hình với 1.151 điểm hoạt động trên địa bàn tỉnh; xây dựng mới 08 mô hình “Dân vận khéo”. Qua đó, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của Nhân dân trong tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Công tác quản lý xuất nhập cảnh, quản lý hoạt động của người nước ngoài được thực hiện chặt chẽ; tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, xử lý vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh, cư trú. Giai đoạn 2021 - 2025, các lực lượng chức năng đã kiểm soát hàng chục nghìn lượt tàu, phương tiện, thuyền viên, hành khách và hàng hóa qua cảng biển, tuyến thủy nội địa, tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn; riêng năm 2025 thực hiện thủ tục xuất nhập cảnh, chuyển cảng cho 6.085 lượt tàu/123.851 lượt thuyền viên/127,9 triệu tấn hàng hóa; kiểm tra, kiểm soát 128.285 lượt tàu cá/822.663 lượt ngư dân. Công tác cấp thị thực, giấy phép, quản lý người nước ngoài được triển khai đúng quy định. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về cửa khẩu, cảng biển, bảo đảm an ninh, an toàn hàng hải và phục vụ phát triển kinh tế biển của tỉnh.

b) Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế

Thông qua các hoạt động ngoại giao, tỉnh đã đẩy mạnh thông tin tuyên truyền đối ngoại, quảng bá về văn hóa, lịch sử để khẳng định chủ quyền biển đảo. Qua đó, giúp bạn bè quốc tế có cách nhìn khách quan, trung thực đối với vấn đề Biển Đông, tạo dư luận quốc tế, ủng hộ Việt Nam trong công cuộc đấu tranh bảo vệ chủ

¹⁷ Dự án cao tốc Bắc - Nam; Dự án mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất...

¹⁸ (1) Mô hình “3 giữ, 3 chặn, 3 xây” tại xã Đông Sơn; (2) mô hình “An đảo, An tâm, An dân” tại đặc khu Lý Sơn; (3) mô hình “Lá chắn xanh - bình yên sông nước tại khu vực bãi tắm Mỹ Khê” tại xã Tịnh Khê.

¹⁹ (1) Mô hình “Camera an ninh” phường Đức Phổ, (2) Mô hình “Quy chuẩn văn hóa trên mạng xã hội” tại các trường học trên địa bàn: phường Trà Câu, xã Khánh Cường, Tư Nghĩa.

quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế gắn với mục tiêu phát triển kinh tế biển; giới thiệu, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh về biển, đảo, của tỉnh Quảng Ngãi đến các đối tác nước ngoài; hỗ trợ các đoàn công tác của tỉnh làm việc với cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác, kêu gọi đầu tư vào các lĩnh vực liên quan đến kinh tế biển như: hạ tầng cảng biển, logistics, công nghiệp ven biển, du lịch biển.... Đồng thời, đề xuất nhiều chương trình hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường biển, thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực cộng đồng ven biển.

Công tác bảo hộ ngư dân được triển khai chủ động, hiệu quả; giai đoạn 2021 - 2025 đã phối hợp xử lý nhiều vụ việc tàu cá, ngư dân bị nước ngoài bắt giữ, tấn công, ngăn cản trên biển; hỗ trợ, đưa hàng trăm ngư dân về nước an toàn²⁰. Qua đó, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ngư dân, giữ vững an ninh, chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

2.6. Huy động các nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư để phát triển các ngành kinh tế biển

Giai đoạn vừa qua, tỉnh đã tranh thủ từ nhiều nguồn vốn khác nhau để đầu tư phát triển kinh tế biển như:

- *Đầu tư công trình hạ tầng từ nguồn ngân sách nhà nước:* Qua rà soát, kế hoạch đầu tư công trung hạn đã bố trí cho 22 công trình, dự án (chưa bao gồm các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia) với tổng kinh phí 5.725,51 tỷ đồng để đầu tư xây dựng hạ tầng khu vực ven biển.

- *Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng trên một số lĩnh vực có khả năng như cảng biển, hạ tầng Khu Kinh tế, khu công nghiệp:* Tại Khu Kinh tế Dung Quất đã thu hút được 02 dự án²¹ về đầu tư kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp với tổng vốn đăng ký đầu tư 5.035 tỷ đồng (tương đương 217 triệu USD).

- *Về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư nhằm tạo điều kiện thuận lợi thu hút nhà đầu tư:* Trong thời gian qua, tỉnh đã tập trung và đẩy mạnh chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục cho người dân và doanh nghiệp; nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính. Qua đó, góp phần quan trọng tạo môi trường thuận lợi, minh bạch, giảm thời gian chi phí cho nhà đầu tư, doanh nghiệp, khuyến khích các nguồn lực thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư để phát triển kinh tế biển. Đồng thời, gắn với việc tinh gọn tổ chức bộ máy

²⁰ Toàn tỉnh có 26 tàu cá với 224 ngư dân bị nước ngoài bắt giữ; đồng thời xảy ra nhiều vụ tàu cá, ngư dân bị ngăn cản, tấn công, lấy tài sản khi hoạt động trên biển. Các cơ quan chức năng đã phối hợp triển khai công tác bảo hộ, hỗ trợ đưa ngư dân về nước an toàn, ổn định cuộc sống; hiện còn 17 ngư dân chưa được trao trả về nước.

²¹ Dự án đầu tư xây dựng và Kinh doanh kết cấu Hạ tầng Khu công nghiệp nhẹ Bình Hòa - Bình Phước, tỉnh Quảng Ngãi; Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp VSIP II Quảng Ngãi (giai đoạn 1).

theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh đã tăng cường phân cấp, phân quyền cho các cơ quan, đơn vị để giảm bớt thủ tục trung gian, tạo cơ chế điều hành linh hoạt. Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Quảng Ngãi đã thu hút được 188 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký đầu tư 137.072 tỷ đồng, trong đó: có 20 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 827 triệu USD.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Quảng Ngãi có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế biển nhờ vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống giao thông kết nối đồng bộ với đường sắt Bắc - Nam, cảng nước sâu Dung Quất và các tuyến cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Quảng Ngãi - Hoài Nhơn. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành dịch vụ logistics, công nghiệp ven biển, kinh tế hàng hải, du lịch và dịch vụ biển. Cùng với đó, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là tại Khu kinh tế Dung Quất, đang tiếp tục được đầu tư hoàn thiện, tạo nền tảng thúc đẩy các ngành công nghiệp trọng điểm như lọc hóa dầu, luyện kim phát triển; góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng cường liên kết vùng, liên kết ngành và tạo động lực phát triển kinh tế biển bền vững.

- Qua 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo trong phát triển kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền, bảo tồn đa dạng sinh học biển được nâng lên rõ rệt. Kinh tế biển của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực; các địa phương ven biển tiếp tục giữ tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh²². Môi trường đầu tư được cải thiện, thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất đạt nhiều kết quả tích cực; công nghiệp ven biển, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ yếu của tỉnh. Tỉnh tập trung thu hút, hỗ trợ triển khai các dự án công nghiệp quy mô lớn, có sức lan tỏa, tạo dư địa và động lực phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới. Cơ chế, chính sách thu hút đầu tư ngày càng thông thoáng; kết cấu hạ tầng vùng ven biển tiếp tục được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển bền vững.

- Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển được quan tâm thực hiện; quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới biển được tăng cường, giữ vững. Mặc dù chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, song với sự hỗ trợ kịp thời của các cấp, các ngành, doanh nghiệp từng bước phục hồi, ổn định sản xuất, tạo việc làm và thu hút lao động. Các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị; các thiết chế văn hóa ở cơ sở được quan tâm đầu tư, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân vùng ven biển.

²² Giá trị của các huyện, thị xã, thành phố có biển trước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và của tỉnh Quảng Ngãi cũ.

2. Hạn chế, khó khăn

- *Về phát triển các ngành kinh tế biển:* Một số ngành kinh tế biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Du lịch biển phát triển còn chậm, chưa hình thành sản phẩm đặc trưng, thiếu liên kết giữa các điểm du lịch trong và ngoài tỉnh; hoạt động du lịch đường thủy chủ yếu tập trung ở tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn, các tuyến du lịch đường sông, đường biển khác chưa được khai thác hiệu quả. Thủy sản phát triển chưa đồng bộ, chủ yếu tập trung khai thác, còn hạn chế ở khâu bảo quản, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá, làm giảm giá trị sản phẩm; nuôi trồng thủy sản chưa tương xứng tiềm năng, hạ tầng xử lý môi trường vùng nuôi còn thiếu. Tình trạng bồi lấp luồng lạch tại các cửa biển diễn ra thường xuyên, ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thủy sản và đời sống ngư dân. Hoạt động công nghiệp, logistics ven biển còn gặp nhiều khó khăn do biến động tình hình thế giới, giá nguyên vật liệu tăng.

- *Về phát triển đồng bộ Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị ven biển, từng bước hình thành các khu đô thị sinh thái ven biển:* Mặc dù tỉnh có lợi thế về cảng biển nước sâu Dung Quất, sân bay Chu Lai và hệ thống giao thông Bắc - Nam, song hạ tầng kinh tế - xã hội vẫn chưa đồng bộ, chưa tạo động lực mạnh để thu hút đầu tư và phát triển đô thị ven biển. Hạ tầng tại Khu kinh tế Dung Quất, các khu, cụm công nghiệp còn thiếu đồng bộ, một số hạng mục chậm được nâng cấp, sửa chữa; hệ thống đường sắt chưa kết nối với cảng Dung Quất. Hạ tầng giao thông kết nối với Tây Nguyên, cửa khẩu quốc tế Bờ Y và các nước Lào, Campuchia và Đông bắc Thái Lan chưa đáp ứng yêu cầu, ảnh hưởng đến hoạt động vận chuyển, lưu thông hàng hóa. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm, làm ảnh hưởng tiến độ triển khai một số dự án. Thu hút đầu tư nước ngoài và huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển hạ tầng còn hạn chế.

- *Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển:* Tình trạng ô nhiễm môi trường vùng ven biển, hải đảo vẫn còn diễn ra; một bộ phận ngư dân chưa chấp hành nghiêm các quy định về khai thác thủy sản, ảnh hưởng đến công tác “gỡ” thẻ vàng IUU. Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, khu chức năng trong Khu kinh tế Dung Quất còn thiếu và chưa đồng bộ, hạn chế khả năng thu hút đầu tư và mở rộng dự án. Nguồn lực đầu tư cho bảo vệ môi trường còn hạn chế, việc huy động xã hội hóa chưa đạt yêu cầu nên chưa đáp ứng nhu cầu xử lý các vấn đề môi trường phát sinh. Công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt ở một số địa phương còn bất cập; ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân chưa cao, chính quyền cơ sở có nơi còn thiếu chủ động trong xử lý các vấn đề phát sinh. Công tác bảo tồn đa dạng sinh học biển tại Khu bảo tồn biển Lý Sơn còn gặp khó khăn do thiếu cơ chế tài chính bền vững và nhân lực phục vụ quản lý, bảo tồn.

- Về chất lượng cuộc sống của người dân; bảo tồn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hoá biển; xây dựng xã hội gắn bó, thân thiện với biển; phát triển khoa học, công nghệ: Đời sống của một bộ phận người dân vùng ven biển, đảo còn khó khăn; nhiều thiết chế văn hóa xuống cấp nhưng chậm được đầu tư sửa chữa. Chất lượng giáo dục, đào tạo, giải quyết việc làm và chăm sóc sức khỏe người dân còn hạn chế. Việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, bản sắc truyền thống vùng biển chưa đáp ứng yêu cầu. Khoa học, công nghệ chưa thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế biển; thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành kinh tế biển còn gặp nhiều khó khăn.

- Về công tác quốc phòng, an ninh; công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế: Tình hình an ninh, trật tự khu vực biên giới biển còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp; vẫn xảy ra tình trạng tranh chấp, khiếu kiện, tập trung đông người liên quan đến một số dự án nhạy cảm về môi trường. Một số vấn đề bức xúc của người dân chậm được giải quyết dứt điểm, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định an ninh, trật tự. Hoạt động trên biển diễn biến phức tạp; tàu nước ngoài tăng cường tuần tra, ngăn cản ngư dân khai thác hải sản tại vùng biển Hoàng Sa, Trường Sa; tình trạng tàu cá nước ngoài vi phạm vùng biển Việt Nam vẫn xảy ra. Công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế chưa đáp ứng yêu cầu; việc triển khai các giải pháp khắc phục cảnh báo “thẻ vàng” IUU có chuyển biến nhưng kết quả chưa bền vững.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Quảng Ngãi là địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu với cường độ lớn, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân và hoạt động phát triển kinh tế biển. Vị trí địa lý cách xa các trung tâm kinh tế lớn nên hạn chế khả năng lan tỏa trong thu hút đầu tư, phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ, khoa học và công nghệ.

- Tình hình chính trị, kinh tế thế giới diễn biến phức tạp; dịch bệnh, giá nguyên vật liệu tăng, cùng với các vấn đề an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng và tình hình trên Biển Đông đã tác động đến phát triển kinh tế biển, công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Hoạt động tuần tra, ngăn cản ngư dân của lực lượng nước ngoài trên biển tiếp tục diễn biến phức tạp.

- Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách trên một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ, còn chồng chéo giữa pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, nhà ở, đấu thầu; cơ chế bồi thường, giải phóng mặt bằng và chính sách phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, ảnh hưởng tiến độ triển khai các dự án. Việc tìm kiếm đối tác quốc tế hợp tác phát triển kinh tế biển còn khó khăn do các địa phương, đối tác nước ngoài còn thận trọng trong hợp tác về biển.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, lực lượng trong trao đổi, chia sẻ thông tin, nắm tình hình có thời điểm chưa chặt chẽ; công tác phân tích, dự báo, xử lý tình huống chưa thật sự hiệu quả. Một số cấp, ngành, địa phương chưa quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện; công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn hạn chế.

- Nguồn lợi thủy sản ven bờ suy giảm nhưng việc chuyển đổi nghề khai thác bền vững cho ngư dân còn chậm; ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân, ngư dân còn hạn chế, nhận thức về bảo vệ tài nguyên, môi trường biển chưa cao, trong khi chế tài xử lý vi phạm chưa đủ sức răn đe.

- Hạ tầng kỹ thuật, nhất là hạ tầng môi trường tại một số khu công nghiệp, khu kinh tế chưa được đầu tư đồng bộ; việc nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải tập trung còn chậm, dẫn đến một số chỉ tiêu môi trường theo Nghị quyết số 07-NQ/TU chưa đạt yêu cầu đề ra.

PHẦN II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG THỜI GIAN ĐẾN

I. QUAN ĐIỂM

1. Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, không gian phát triển chiến lược, là cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kinh tế biển có vai trò động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với nâng cao đời sống cho người dân, giữ vững quốc phòng, an ninh, góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

2. Phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, chuyển đổi từ khai thác sang quản trị không gian biển; thúc đẩy kinh tế biển xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và các ngành kinh tế biển mới, phát huy tiềm năng, lợi thế của biển tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Phát triển kinh tế biển phải hài hoà giữa bảo tồn và phát triển; đồng thời gắn kết chặt chẽ giữa bảo vệ môi trường biển, bảo vệ và bảo tồn hệ sinh thái biển, kiên quyết không đánh đổi môi trường để lấy tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát triển các giá trị đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái biển; bảo vệ tính toàn vẹn của hệ sinh thái từ đất liền ra biển; phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm, sự cố môi trường biển. Quản lý hiệu quả Khu bảo tồn biển Lý Sơn; thành lập, mở rộng các khu bảo vệ sinh cảnh, gắn với sinh kế của người dân, bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân đối với biển; chủ động nâng cao khả năng chống chịu; phòng, chống thiên tai kết hợp thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Kinh tế biển phát triển nhanh và bền vững trở thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tài nguyên biển được khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, gắn với bảo tồn hệ sinh thái biển, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Các hoạt động, khai thác sử dụng tài nguyên biển để phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển phải trong khả năng phục hồi của các hệ sinh thái biển và đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển. Chất lượng cuộc sống người dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được tăng cường, giữ vững.

b) Mục tiêu cụ thể

- *Về đóng góp của kinh tế biển*: Tổng giá trị sản phẩm của các xã, phường, đặc khu có biển đóng góp trên 65% tổng giá trị sản phẩm của toàn tỉnh. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân đạt từ 10%/năm trở lên; tốc độ tăng trưởng của ngành thủy sản đạt 4,18%/năm, trong đó sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030 đạt 267.882 tấn, tỷ lệ sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng chứng nhận, kiểm soát khai thác hợp pháp đạt 100%. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm khoảng 30% trong GRDP của tỉnh.

- *Về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số*: Tối thiểu 60% doanh nghiệp hoạt động trong các ngành kinh tế biển ứng dụng công nghệ số, AI, dữ liệu lớn hoặc IoT trong quản trị, sản xuất, kinh doanh.

- *Về môi trường, kinh tế biển xanh và khả năng chống chịu*: Quản lý, bảo vệ và tăng diện tích khu bảo tồn biển Lý Sơn, các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản phần đầu góp phần đạt 06% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia; tỷ lệ che phủ rừng ở các xã, phường có biển đạt 16,66%; có 98% chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt chuẩn; 95% chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom và xử lý theo quy định ở các xã, phường có biển; 100% khu công nghiệp ven biển thuộc Khu kinh tế Dung Quất đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung, vận hành ổn định, đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường theo quy định.

- *Về đóng góp cho các mục tiêu xã hội*: Chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh thuộc nhóm trung bình chung của cả nước; thu nhập bình quân đầu người của tỉnh tăng bình quân 09% - 10%/năm; phấn đấu đến năm 2030 các xã, phường, đặc khu có biển cơ bản không còn hộ nghèo; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên 30,6%.

- *Phát triển kinh tế - xã hội tại đặc khu Lý Sơn*: Giai đoạn 2026 - 2030, tốc độ tăng trưởng kinh tế của đặc khu Lý Sơn đạt 6,5%; đến năm 2030, thương mại -

=

dịch vụ chiếm 50,2%; nông nghiệp chiếm 37,2%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 12,6%; đảm bảo 100% người dân được tiếp cận điện, nước sạch, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục. Xây dựng đặc khu Lý Sơn thành đảo du lịch sinh thái gắn với phát triển đô thị xanh, thông minh và các căn cứ dịch vụ hậu cần trên biển. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, môi trường, trong đó tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 đạt 8,32%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt đạt 95% trở lên; 100% chất thải y tế được xử lý theo quy định.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Tỉnh Quảng Ngãi phấn đấu duy trì tình phát triển khá của cả nước, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên, kinh tế biển phát triển nhanh, bền vững, giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt trong cơ cấu nền kinh tế. Đời sống tinh thần của Nhân dân vùng ven biển, đảo được nâng cao; quốc phòng, an ninh được tăng cường, giữ vững.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển

- Các cấp ủy đảng, chính quyền tiếp tục quán triệt, thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển, đảo trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển bền vững kinh tế biển. Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền về biển, đảo theo hướng thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng đối tượng; tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tinh thần yêu nước, ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chủ quyền, quyền chủ quyền và các lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam trên Biển Đông; phát huy vai trò của người dân trong tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo và giữ gìn an ninh, trật tự trên biển.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, sử dụng hiệu quả các công cụ kinh tế trong quản trị tài nguyên biển; đổi mới tư duy từ quản lý theo ngành sang quản lý theo không gian, dựa trên chức năng của hệ sinh thái, bảo đảm sự điều phối liên ngành có hiệu quả. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phát triển bền vững kinh tế biển; hoàn thiện cơ chế điều phối thống nhất, đồng bộ các vấn đề liên ngành, liên vùng trong quản lý và phát triển kinh tế biển; tăng cường năng lực quản trị biển, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng bờ.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng đất đai,

—

khoáng sản, tài nguyên và môi trường biển; kiểm soát chặt chẽ các dự án đầu tư ven biển, khu công nghiệp, khu đô thị ven biển; xử lý nghiêm các hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

2. Hoàn thiện quy định của pháp luật theo hướng khơi thông nguồn lực để phát triển kinh tế biển

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về đất đai, đầu tư, môi trường và các lĩnh vực liên quan nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, chông chéo, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế biển. Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi phù hợp để thu hút các nhà đầu tư chiến lược tham gia đầu tư vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tạo động lực phát triển kinh tế biển bền vững. Tập trung xây dựng, triển khai Đề án cơ chế, chính sách đặc thù phát triển kinh tế kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh cho đặc khu Lý Sơn.

- Rà soát cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai phân vùng khai thác sử dụng không gian biển trong quy hoạch tỉnh; phân vùng chức năng khu vực biển cho các ngành kinh tế biển.

3. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững các ngành kinh tế biển

- Du lịch và dịch vụ biển: Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa, lịch sử, tài nguyên thiên nhiên và bản sắc con người Quảng Ngãi để thu hút đầu tư, phát triển du lịch với hạt nhân tam giác phát triển: Trung tâm du lịch biển đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen, Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh. Tăng cường kết nối các tuyến du lịch từ vùng biển đến vùng rừng núi. Phát triển Khu du lịch Mỹ Khê theo định hướng khu du lịch quốc gia; thu hút đầu tư các khu nghỉ dưỡng biển, tổ hợp dịch vụ, giải trí cao cấp, đô thị biển có thương hiệu mạnh, gắn với bảo tồn văn hoá biển, đảo. Chú trọng phát triển các sản phẩm chất lượng cao, có bản sắc riêng và lợi thế cạnh tranh như du lịch địa chất, khảo cổ, nghỉ dưỡng, sinh thái và chăm sóc sức khỏe phù hợp xu hướng thị trường. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, liên kết hợp tác phát triển du lịch; mở rộng thị trường khách du lịch trong nước và quốc tế; ban hành chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh chuyển đổi số, áp dụng các tiêu chí du lịch xanh, du lịch bền vững trong quản lý và khai thác tài nguyên du lịch biển.

- Công nghiệp: Phát triển công nghiệp biển theo hướng hiện đại, bền vững, trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, thân thiện môi trường và có giá trị gia tăng cao. Tập trung thu hút các dự án công nghiệp quy mô lớn, có tính lan tỏa, tạo động lực phát triển các ngành kinh tế biển. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm tại Khu kinh tế Dung Quất như lọc hóa dầu, luyện kim, cơ

khí, công nghiệp khí, công nghiệp hỗ trợ; phát triển năng lượng tái tạo phù hợp quy hoạch, gắn với đổi mới công nghệ theo hướng xanh, tuần hoàn và phát thải thấp. Kiên quyết sàng lọc, không thu hút các dự án tiêu hao nhiều năng lượng, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Kinh tế hàng hải: Đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics, kết nối đồng bộ, hiệu quả với hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và hàng không. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, tự động hóa trong quản lý, khai thác cảng biển. Khuyến khích các doanh nghiệp, nhà đầu tư phát triển hệ thống cảng theo cụm, kết nối thuận lợi với đường bộ, tạo điều kiện hình thành các cảng đầu mối có quy mô lớn. Phát triển công nghiệp đóng tàu, sửa chữa tàu biển theo hướng hiện đại, thân thiện môi trường, nâng cao năng lực hoạt động của các cơ sở sửa chữa, đóng tàu hiện hữu.

- Nuôi trồng và khai thác thủy sản: Phát triển hài hòa giữa khai thác và nuôi trồng thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu nghề cá phù hợp với nguồn lợi và điều kiện thực tế. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nghề cá; ứng dụng công nghệ trong quản lý, giám sát hoạt động tàu cá nhằm nâng cao hiệu quả theo dõi, kiểm soát khai thác thủy sản. Tăng cường tuyên truyền, vận động ngư dân chấp hành nghiêm các quy định pháp luật; nâng cao năng lực thực thi pháp luật trên biển, kiên quyết xử lý các hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Đồng thời, xây dựng chính sách hỗ trợ chuyển đổi sinh kế, phát huy vai trò các nghiệp đoàn nghề cá; nâng cao năng lực khai thác xa bờ, giảm dần khai thác ven bờ gắn với bảo vệ và phục hồi nguồn lợi thủy sản. Thu hút đầu tư phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, hệ thống bảo quản, chế biến thủy sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng của ngành; ưu tiên phát triển các chuỗi giá trị thủy sản chủ lực, sản phẩm đặc hữu gắn với chỉ dẫn địa lý, thương hiệu và thị trường tiêu thụ. Quy hoạch, mở rộng nuôi trồng thủy sản lồng bè trên biển phù hợp với quy hoạch Khu bảo tồn biển; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong nghiên cứu, phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản phù hợp điều kiện tự nhiên của tỉnh.

- Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới: Phát triển hợp lý và đa dạng hóa các nguồn năng lượng, trong đó khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác điện gió ngoài khơi, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác; ứng dụng khoa học - công nghệ để nghiên cứu, sản xuất dược phẩm từ sinh vật biển.

- Chế biến, khai thác các loại tài nguyên, khoáng sản biển: Kiểm soát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động khai thác, sử dụng khoáng sản biển, đặc biệt là cát biển. Phát triển diêm nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững, đạt năng suất ở địa phương có truyền thống sản xuất muối.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chuyển đổi số; nâng cao

năng lực quản trị, đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển

- Nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các hoạt động kinh tế biển; ưu tiên triển khai các đề tài, dự án khoa học công nghệ phục vụ điều tra cơ bản; quan trắc, giám sát, dự báo môi trường biển; bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái biển; triển khai hệ thống quản trị, giám sát môi trường trên nền tảng số tại khu kinh tế, khu công nghiệp và cảng biển của tỉnh.

- Phát triển nguồn nhân lực cho kinh tế biển theo hướng bảo đảm số lượng, chất lượng và cơ cấu phù hợp; ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ các ngành kinh tế biển mũi nhọn như logistics, công nghiệp biển, du lịch biển, năng lượng tái tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh đào tạo nghề, đào tạo lại, chuyển đổi nghề cho lao động vùng ven biển; nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ; phát triển nguồn lao động kỹ thuật tại chỗ đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển.

Tăng cường giáo dục về biển và đại dương trong hệ thống giáo dục; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững kinh tế biển. Đồng thời, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, cán bộ quản lý nhà nước về biển; có cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế biển của tỉnh.

5. Phát huy vai trò động lực của Khu kinh tế Dung Quất trong phát triển kinh tế biển của tỉnh

- Thu hút đầu tư có chọn lọc vào Khu kinh tế Dung Quất, ưu tiên các dự án công nghiệp ven biển, dịch vụ logistics gắn với cảng nước sâu Dung Quất có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, các dự án phát triển hạ tầng, năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái, các dự án công nghệ có giá trị cao, thân thiện với môi trường phù hợp với ngành, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế so sánh. Tập trung thu hút nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đầu tư các dự án quy mô lớn để dẫn dắt, liên kết phát triển tạo chuỗi giá trị trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh; nâng cao hiệu quả sử dụng đất đảm bảo phù hợp với các quy hoạch được duyệt. Tăng cường thúc đẩy liên kết giữa Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y với Khu kinh tế Chu Lai, góp phần hình thành trung tâm công nghiệp trọng điểm của khu vực và cả nước.

- Thúc đẩy sớm hình thành và phát huy hiệu quả Trung tâm Lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất thông qua các cơ chế, chính sách đặc thù. Quản lý chặt chẽ việc thực hiện các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt bảo đảm tính thống nhất giữa quy hoạch tỉnh, quy hoạch Khu kinh tế và quy hoạch ngành.

- Phát huy vai trò trung tâm của Khu kinh tế Dung Quất trong chuỗi cung ứng công nghiệp, hoạt động cảng biển Dung Quất với nhu cầu xuất nhập khẩu nguyên,

=

nhiên liệu, thiết bị siêu trường siêu trọng, tăng cường kết nối hạ tầng cảng biển với hệ thống giao thông đường bộ, khu công nghiệp và kho bãi sau cảng, nâng cao hiệu quả khai thác và giảm chi phí logistics, gắn phát triển cảng biển với chuỗi cung ứng công nghiệp - năng lượng của Khu kinh tế Dung Quất.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo động lực để thúc đẩy tăng trưởng của các ngành kinh tế biển, là nền tảng cho phát triển xã hội và kinh tế số; hình thành các khu đô thị sinh thái xanh ở vùng ven biển và đặc khu Lý Sơn

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đẩy mạnh liên kết nội vùng, liên kết vùng, quốc gia. Tập trung đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, nhất là theo phương thức đối tác công tư để đầu tư phát triển hạ tầng trọng điểm, có tính chất lan tỏa, đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng công nghiệp ven biển, ưu tiên hạ tầng giao thông, logistics và hạ tầng số, tạo nền tảng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- Huy động và ưu tiên nguồn lực để hoàn thiện kết cấu hạ tầng trọng điểm tại Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, hành lang giao thông Đông - Tây, tăng cường kết nối Khu kinh tế Dung Quất với khu vực Tây Nguyên, đáp ứng yêu cầu phát triển và nhu cầu của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Tập trung xây dựng cảng biển trở thành điểm trung chuyển gắn với Trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Dung Quất theo quy hoạch. Ưu tiên đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng thiết yếu, nhất là hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung, hạ tầng giao thông kết nối cảng biển với khu công nghiệp, khu đô thị và các khu tái định cư.

- Tập trung nghiên cứu, đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông kết nối với sân bay Chu Lai; xây dựng Đề án Cảng hàng không Lý Sơn, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét cập nhật vào Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hoàn thành tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh.

- Phát triển hệ thống đô thị biển theo hướng đô thị sinh thái, hiện đại, văn minh, giàu bản sắc, thích ứng với biến đổi khí hậu; từng bước mở rộng không gian đô thị hướng ra biển, hình thành chuỗi đô thị ven biển ở khu vực có lợi thế như: Đông Nam Dung Quất, đặc khu Lý Sơn, xã Tịnh Khê, ... Gắn kết chặt chẽ phát triển đô thị biển với Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp ven biển, hệ thống cảng biển và các trung tâm dịch vụ, du lịch biển.

- Nâng cấp hệ thống đê, kè sông, kè biển, cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo hướng đồng bộ, hiện đại; đáp ứng yêu cầu phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, nâng cao giá trị sản phẩm thủy sản. Đồng thời, bảo đảm an toàn cho tàu cá và ngư dân, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển bền vững ngành thủy sản.

7. Xây dựng một nền kinh tế biển có trách nhiệm, gắn bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái biển, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học biển; tăng cường công tác quản lý, khoanh vùng, bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái biển quan trọng như rừng ngập mặn, rạn san hô, cỏ biển, đất ngập nước; trồng mới và phục hồi tăng tỷ lệ rừng trồng ven biển gắn với sinh kế, làm giảm tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến đời sống của người dân ven biển. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý khu bảo tồn biển Lý Sơn và các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xây dựng cơ chế tài chính bền vững cho hoạt động bảo tồn và phát triển hệ sinh thái biển.

- Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên, ít phát thải nhà kính, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Tập trung giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường; nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường các dự án.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc giao khu vực biển, hoạt động nhận chìm ở biển và các hoạt động sản xuất, kinh doanh có xả thải tại vùng cửa sông, ven biển và hải đảo; bảo đảm tuân thủ các tiêu chí bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu thực hiện lần biển tại một số khu vực phù hợp nhằm mở rộng không gian, quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm không làm suy giảm tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển; giữ gìn các giá trị văn hóa - lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và bảo đảm quyền tiếp cận biển của người dân.

- Kiểm soát chặt chẽ nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ các hoạt động trên biển, các nguồn thải từ đất liền và từ biển; triển khai hiệu quả kế hoạch quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; xây dựng hệ thống giám sát môi trường biển, trước mắt tập trung ở các khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch ven biển, đảo. Phòng ngừa, kiểm soát các hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái môi trường và có biện pháp ngăn chặn sự cố ô nhiễm môi trường ở khu vực ven biển, đảo của tỉnh. Rà soát, xác định các khu vực cấm hoặc hạn chế xả thải; nâng cao hiệu quả quản lý, xử lý rác thải, khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường và thực hiện nghiêm trách nhiệm bồi thường của tổ chức, cá nhân khi để xảy ra ô nhiễm môi trường biển.

- Thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Ưu tiên đầu tư xây dựng, củng cố hệ thống đê biển; công trình phòng, chống thiên tai; phòng, chống xói lở bờ biển, quản lý bảo vệ bờ biển và cảnh quan tự nhiên, không gian biển. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai, xâm nhập mặn.

8. Nâng cao đời sống nhân dân, tăng cường xây dựng thiết chế văn hoá biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển

- Cải thiện sinh kế và nâng cao mức sống cho người dân ở vùng ven biển, hải đảo của tỉnh trong đó triển khai đồng bộ các chính sách giảm nghèo ở các xã bãi ngang ven biển; xây dựng, phát triển các thiết chế văn hóa biển, phát huy bản sắc và giữ gìn, tôn tạo các giá trị văn hóa, lịch sử ở vùng ven biển, hải đảo của tỉnh như lập hồ sơ Di tích khảo cổ Văn hóa Sa Huỳnh trình UNESCO công nhận Di sản thế giới; bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển kinh tế xanh, du lịch bền vững...

- Nâng cao năng lực phòng bệnh, khám, chữa bệnh cho người dân, bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ y tế thiết yếu đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân. Tập trung đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho Trung tâm Y tế quân dân y đặc khu Lý Sơn và các trạm Y tế tại các xã, phường ven biển; tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị từ nguồn ngân sách Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và cung cấp dịch vụ y tế; từng bước triển khai bệnh án điện tử và các nền tảng y tế số theo lộ trình. Thành lập, tổ chức hiệu quả các tổ cấp cứu phục vụ Nhân dân tại đặc khu Lý Sơn và hỗ trợ ngư dân hoạt động khai thác trên biển.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư có mục tiêu hạ tầng kinh tế - xã hội đặc biệt là điện, nước sạch, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục cơ bản đầy đủ, đáp ứng nhu cầu của người dân tại các xã, phường ven biển và đặc khu Lý Sơn.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển; tăng cường công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế

- Tăng cường quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng lực lượng vũ trang tinh nhuệ, theo hướng hiện đại, tăng cường thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân; đảm bảo năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển. Tiếp tục củng cố khu vực phòng thủ biển, đảo vững mạnh, các dự án phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng chấp pháp trên biển đảm bảo cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Chủ động ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu, an ninh hàng hải và dịch bệnh; bảo đảm an ninh, bảo vệ tính mạng và tài sản của Nhân dân tại khu vực biên giới biển. Phát triển đội tàu cá theo hướng hiện đại, có chính sách khuyến khích ngư dân mở rộng ngư trường, tham gia đánh bắt xa bờ góp phần bảo vệ chủ quyền biên giới biển, đảo của Tổ quốc.

- Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, tăng cường mở rộng và hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế biển, nghiên cứu khoa học biển, bảo vệ môi trường, đào

==

tạo, phát triển nguồn nhân lực biển; tham gia tích cực trong các diễn đàn về biển và đại dương.

10. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để tập trung phát triển các ngành kinh tế biển của tỉnh

- Đa dạng hoá, huy động các nguồn lực cho phát triển kinh tế biển; mở rộng các hình thức hợp tác công - tư; hỗ trợ các doanh nghiệp có vai trò nòng cốt, dẫn dắt có năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực như dầu khí, công nghiệp biển, logistics,...

- Xây dựng cơ chế, chính sách, môi trường đầu tư, kinh doanh, có sức cạnh tranh để phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị - dịch vụ ven biển theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, trở thành động lực tăng trưởng quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, tạo môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, thông thoáng góp phần kêu gọi đầu tư. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án phát triển hạ tầng, năng lượng tái tạo, logistics, du lịch sinh thái, các dự án công nghệ cao thân thiện với môi trường; thu hút nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đầu tư các dự án quy mô lớn, là đầu tàu dẫn dắt, tạo chuỗi liên kết để phát triển các ngành kinh tế biển của tỉnh.

Nơi nhận:

- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- VPTU: CVP, PCVP, P. TH;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

U Huấn

